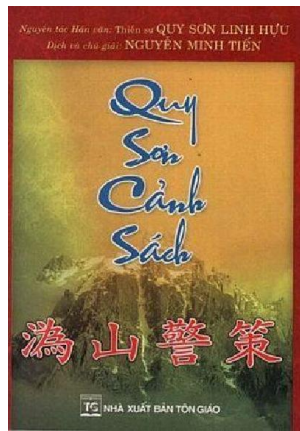


Quy Sơn Cảnh Sách



Nguyễn Minh Tiến dịch

---o0o---

Nguồn

<http://www.rongmotamhon.net>

Chuyển sang ebook 08-11-2014

Người thực hiện :

Nguyễn Ngọc Thảo - thao_ksd@yahoo.com.vn

Nam Thiên - namthien@gmail.com

[Link Audio Tai Website http://www.phapthihoi.org](http://www.phapthihoi.org)

Mục Lục

Lời Nói Đầu

Phần viết dịch Bài văn cảnh sách của ngài Quy Sơn

---o0o---

Lời Nói Đầu

Bài văn này được thiền sư Quy Sơn Linh Hựu viết ra nhằm sách tấn việc tu học của đồ chúng, nên gọi là văn cảnh sách, và lấy tên ngài để làm tựa. Từ xưa nay vẫn gọi là “Quy Sơn cảnh sách văn”.

Mặc dù đã ra đời từ hơn ngàn năm qua nhưng bài văn vẫn còn được truyền tụng, nhờ vào nội dung vô cùng sâu sắc, thâm áo và văn chương súc tích, lưu loát. Không những thế, đây còn là một áng văn rất được trân trọng trong chốn thiền môn, hầu như bất cứ ai khi mới bước chân vào con đường tu học cũng đều phải học thuộc nằm lòng.

Tuy khá ngắn gọn, nhưng tính hàm súc của văn chương đã cho phép bài văn nêu lên rất trọn vẹn chủ đề muốn nói. Bằng một cách diễn đạt gây nhiều xúc cảm thay vì là răn đe, quở trách, những lời khuyên dạy của Tổ sư thật gần gũi và thân thiết, khiến người nghe không khỏi rung động trong lòng.

Hơn thế nữa, cấu trúc văn từ cũng hết sức hoàn chỉnh, âm vận hài hoà, vừa đọc lên đã có thể cảm nhận được phần nào ý văn qua âm điệu. Quả thật là một áng văn trác tuyệt xưa nay ít có.

Với mong muốn giới thiệu cùng quý độc giả một bản văn hay trong văn chương Phật giáo, cũng là để nhắc nhở cho nhau nghe những lời răn dạy của bậc Tổ sư ngày trước, nên chúng tôi không nệ chỗ học kém cỏi, cố gắng chuyển dịch bản văn này sang tiếng Việt để nhiều người có thể dễ dàng tìm đọc.

Ngoài ra, chúng tôi cũng giới thiệu đôi nét về hành trạng của Tổ Quy Sơn – người đã sáng lập ra tông Quy Nguỡng, một trong các tông phái quan trọng của Thiền Trung Hoa. Qua đó, chúng ta có thể hiểu thêm về giá trị và bối cảnh ra đời của tác phẩm.

Đồng thời, nhằm giúp cho những ai chưa quen thuộc lắm với chữ Hán cũng có thể sử dụng được phần nguyên tác để hiểu sâu hơn nội dung bản văn, chúng tôi cũng biên soạn thêm phần Tham khảo chữ Hán.

Do sở học có giới hạn, chúng tôi biết chắc sẽ không sao tránh khỏi ít nhiều sai sót khi thực hiện công việc này. Tuy nhiên, với tâm nguyện mong muốn cho hết thầy mọi người đều được lợi lạc nhờ nơi sự giáo hóa của chư Phật Tổ, chúng tôi mong rằng sẽ nhận được sự tha thứ, chỉ dạy từ các bậc tôn túc và quý độc giả xa gần.

Mùa Vu Lan, PL 2547

NGUYỄN MINH TIẾN

---o0o---

Phần viết dịch Bài văn cảnh sách của ngài Quy Sơn

Do nghiệp lực trói buộc mà có thân này, không khỏi bao điều khổ lụy. Thân thể từ cha mẹ sanh ra, vốn thật chỉ là giả hợp các duyên. Dù là nương nơi bốn đại mà tồn tại, nhưng bốn đại ấy chẳng lúc nào là không xung khắc.

Chuyện vô thường già chết không hề hẹn trước. Sớm còn tối mất, thoát chốc đã sang đời khác; như sương như móc, thoát có thoát không; như cây ven bờ vực, như dây leo vách giếng, có chi bền chắc?

Niệm niệm nhanh chóng nối nhau, chỉ trong chớp mắt, trút hơi thở đã qua kiếp khác. Sao lại có thể yên lòng mà bỏ phí cuộc đời trôi qua vô ích?

Làm người xuất gia, chẳng thể dâng cho cha mẹ miếng ăn ngon ngọt, cho đến quyền thuộc cũng đều dứt bỏ. Không lo việc nước, cũng chẳng kể tục nghiệp nhà; xa lìa xóm giềng thân tộc, xuống tóc theo thầy học đạo. Vậy nên trong lòng phải biết chuyên cần sớm tối công phu, ngoài học lấy đức hiền hòa không tranh chấp; xa lánh chốn thế tục mà một lòng cầu giải thoát.

Lẽ nào vừa được thọ giới phẩm liền tự xưng là bậc tỳ-kheo, ăn hạt cơm của tín thí thập phương chẳng chịu xét cho cùng do đâu mà có, chỉ nói bừa rằng việc ấy là lẽ tự nhiên. Ăn xong dùm đầu trò chuyện huyền thuyên; cứ vậy chạy theo cái vui trong chốc lát, không biết rằng vui đó chính là nguyên nhân của khổ.

Lăn lóc bao đời theo thói tục, chưa từng nhìn lại chính mình. Thời gian năm tháng lần lữa luống qua, thọ nhận càng nhiều, lợi dưỡng càng lắm, chẳng lúc nào nghĩ

đến việc dứt bỏ. Tích tụ ngày càng nhiều, chung quy cũng chỉ là nuôi giữ lấy xác thân phù phiếm.

Đang đạo sư đã có lời khuyên răn khuyến khích, tỳ-kheo phải tiến lên trên đường đạo, chớ nên buông thả thân mình; chuyện ăn mặc ngủ nghỉ đừng bao giờ hưởng thụ cho đầy đủ. Người ta vốn phần đông tham đắm vào những chuyện ấy, chỉ quanh quẩn mãi thoát chốc đã hết đời. Vậy nên kẻ hậu học chưa hiểu sâu tông chỉ cần phải siêng năng cầu học với người đã biết. Sao lại toan nói rằng việc xuất gia quý cầu no cơm ấm áo?

Phật trước kia chế định giới luật, mở bày chỉ dạy người tầm tối; oai nghi phép tắc trong sạch như băng tuyết. Kẻ mới phát tâm nương theo đó mà ngăn chặn mọi điều sai phạm. Phép tắc tinh vi, dẹp bỏ hết những điều tội tệ. Nơi truyền dạy giới luật chưa từng lạm được nương theo, thì pháp rớt ráo thương thừa làm sao có thể hiểu thấu được? Thật đáng tiếc thay, bỏ phí một đời trôi qua vô ích, sau dù hối tiếc cũng không còn kịp nữa. Lời Phật dạy không chịu ghi lòng tạc dạ thì đạo nhiệm mầu không thể do đâu mà tỏ ngộ.

Cho đến khi tuổi tác về già, dù xuất gia trải đã nhiều năm mà trong tâm thật chẳng được gì. Vì chẳng chịu gặt gùi học người hiền đức, chỉ biết ngông nghênh cao ngạo.

Chưa thông giới luật, chẳng biết tự chế phục mình. To tiếng nặng lời khoác lác huyênh hoang, chẳng biết kính nhường kẻ trên người dưới, so ra khác gì ngoại đạo? Đến bữa ăn khua bát ồn ào, ăn vội vàng đứng dậy đi trước. Đi ở không tuân phép tắc, chẳng ra dáng vẻ bậc xuất gia; đứng ngồi hoảng loạn, náo động tâm người khác. Phép tắc ít nhiều chẳng giữ, oai nghi lớn nhỏ đều không, chẳng dựa vào đâu để răn đe kẻ dưới, mà người mới nhập đạo nhìn vào cũng chẳng thấy có gì để noi theo học.

Như có ai vừa chỉ ra chỗ sai sót, liền bảo rằng: Như ta đây mới thật bậc ỷ tu! Chưa nghe làm theo lời Phật dạy, chỉ một lòng ôm giữ tánh tình thô thiển. Chỗ thấy biết như vậy, chung quy cũng là vì khi mới nhập đạo biếng nhác chẳng tinh cần, tham đắm thế tục, lần lữa qua ngày. Thấm thoát hết đời thành ra buông lung thô lỗ. Thoát chốc đã già nua lụm cùm, gặp việc đành bẽ tắc. Người mới học đến thừa hỏi chẳng có chi để chỉ bày. Như có giọng nói ra cũng chỉ là sai kinh lệch

nghĩa. Vậy mà có bị khinh chê, lại trách rằng hậu sinh vô lễ, rồi nổi trận lôi đình to tiếng với người.

Một mai nằm trên giường bệnh, khổ não đau đớn bức bách không kể xiết. Bấy giờ mới sớm tối lo sợ, tâm tưởng hoang mang. Đường sắp tới u ám mờ mịt chẳng biết về đâu! Trong lòng hối tiếc cũng không còn kịp nữa, như kẻ khát nước mới đi đào giếng, có ích lợi gì? Tự hận mình trước đã không sớm lo tu tập, để khi tuổi già chất chứa đầy tội lỗi. Cái chết gần kề trong thoáng chốc, hãi hùng khiếp sợ biết bao! Trút hơi thoát khỏi cuộc đời, như con chim bay xuyên qua dải lụa, nghiệp lực dắt dẫn thân thức trôi lăn. Như người nhiều nợ lắm chủ theo đòi, ai mạnh được trước; tạo nghiệp đã nhiều, phải tùy theo chỗ nặng nề nhất mà thọ thân gánh chịu. Con quỷ vô thường luôn chực cướp đi sinh mạng của mình, chẳng lúc nào ngưng. Đời người hạn cuộc chẳng thể kéo dài, thời gian trôi qua không hề chờ đợi. Ba cõi luân hồi chưa thoát được ra thì cứ phải như thế mà mãi mãi thọ thân lưu chuyển.

Lạ lòng thương cảm biết bao! Trong lòng thương xót thông thiết, há có thể ngậm miệng không nói? Nên muốn nhắc nhở cảnh tỉnh cho nhau. Đáng buồn là chúng ta sanh ra cuối thời tượng pháp, cách xa các bậc thánh hiền, pháp Phật chẳng mấy ai am hiểu, nhiều người giải đãi. Vì vậy lược nói ra đây đôi chút thấy biết hẹp hòi để khuyên răn những người hậu học. Nếu chẳng từ bỏ sự kiêu căng cao ngạo, nét cũ thật khó chuyển đổi!

Người đã xuất gia, cất bước vượt lên cao xa; tâm tánh, cốt cách khác người thế tục. Tiếp nối mà làm hưng thịnh đạo pháp, nhiếp phục hết thảy những thói hư tật xấu. Lấy việc ấy mà báo đáp bốn ơn, bạt khổ cứu nguy khắp trong ba cõi. Nếu không được vậy, chỉ là kẻ lạm mang hình tướng xuất gia, lời nói việc làm phóng túng lơ đãng, ủng nhận sự cúng dường của thập phương tín thí. Như người dậm chân tại chỗ, dù nhiều năm qua một tác chẳng dời! Mơ màng thoát chốc qua hết một đời, chẳng biết nương vào đâu làm chỗ dựa!

Huống chi, đường đường mang hình tướng của một vị tăng, dáng vẻ tốt đẹp, đều là quả báo có được nhờ căn lành gieo trồng từ thuở trước. Lẽ đâu lại khoanh tay ngồi yên để thời gian trôi qua không hối tiếc? Sự nghiệp nếu chẳng chuyên cần, dựa vào đâu mà mong thành đạo quả? Chẳng những một đời vô ích, cho đến kiếp sau cũng chẳng được gì!

Quyết tâm rời bỏ mẹ cha, khoác áo nâu sòng là ý muốn vượt trên thế tục. Sớm tối khắc ghi việc ấy, lẽ đâu để luống ngày qua? Nguyện làm được bậc trụ cột trong Phật pháp, nêu gương hậu thế. Thường mong muốn như thế nhưng chưa được ít nhiều như nguyện.

Mở miệng nói ra phải hợp kinh điển. Luận bàn phải dựa theo những gương sáng thuở xưa. Hình tướng oai nghi đỉnh đạc, tâm ý khí lực cao cả thanh thoát.

Đi xa phải có bạn hiền, thường giữ cho tai mắt được trong sạch. Trú ngụ phải chọn cùng người tốt, thường nghe những việc chưa nghe. Cho nên nói: “Sinh ta ra là cha mẹ, giúp ta thành người là bạn hữu.” Được gần người hiền như đi giữa đám hơi sương, tuy không ướt áo nhưng lúc nào cũng được ẩm mát. Gần kẻ ác thì nuôi lớn thêm điều ác trong chỗ thấy biết; sớm tối làm việc ác liền phải chịu lấy quả báo trước mắt. Sau khi chết rồi phải chịu chìm đắm; thân người một khi mất đi, muôn kiếp khó lòng được lại.

Lời nói thẳng trái tai, sao không khắc ghi vào tâm khảm? Theo đó liền có thể lắng sạch tâm trí, nuôi dưỡng đức hạnh, lui về chỗ vắng vẻ không còn hình tích danh tánh, giữ lòng chuyên chú trong sạch mà dứt hết sự ồn ào nhiễu loạn.

Như muốn tham thiền học đạo, vượt thẳng qua những pháp môn dùng làm phương tiện, tâm phải hợp được với tôn chỉ huyền diệu, cứu xét chi ly chỗ tinh yếu, quyết định chọn lấy chỗ sâu xa, hiểu thấu cội nguồn chân thật.

Rộng đường học hỏi với những người đi trước, gần gũi bạn hiền. Cách tu này rất khó đạt đến chỗ kỳ diệu, nên phải khẩn thiết dụng tâm tinh tế, mới có thể do trong ấy mà tức thời hiểu được chỗ cốt yếu nhất, liền nương theo đó mà dần dần ra khỏi trần tục.

Như vậy tức là phá sạch hết hai mươi lăm cảnh có trong ba cõi. Hết thấy các pháp trong ngoài đều rõ biết là không thật. Do tâm khởi hiện, tất cả đều là tên gọi không thật. Chẳng cần dùng tâm để hiểu thấu, chỉ cần tâm không đắm nhiễm nơi vật, thì vật cũng không ngăn ngại được người. Mặc tình cho muôn pháp chuyển xoay, không dứt bỏ cũng không nối tiếp.

Nghe biết âm thanh hình sắc, thấy đều là những chuyện bình thường; dù bên này hay bên kia, chỗ ứng dụng thấy đều đầy đủ.

Chỗ làm nếu được như thế, thật không uổng đã mặc áo xuất gia. Báo đáp được bốn ơn, bạt khổ cứu nguy khắp trong ba cõi. Như trong nhiều kiếp vẫn có thể không thối chí, thì quả Phật nhất định đạt tới. Đối với ba cõi không còn ràng buộc, chỉ như người khách đến đi, lúc hiện lúc ẩn đều có thể làm khuôn phép cho kẻ khác.

Tu theo phép học đạo tham thiền như vậy, quả là pháp môn huyền diệu hơn hết. Chỉ cần có đủ quyết tâm, pháp không sai dối.

Như với người ở mức bình thường, không thể nhất thời vượt thoát, thì nên hết sức chú tâm tìm tòi học hỏi giáo pháp. Thông thuộc kinh điển, nghiên ngẫm cứu xét nghĩa lý tinh tường, rồi truyền rộng ra khắp nơi, dẫn dắt người hậu học, báo đáp ơn đức Phật.

Thời gian trôi qua, chớ nên luống mất, phải nên lấy sự tu tập như trên mà làm chỗ dựa đời mình. Giữ lấy oai nghi, thành bậc pháp khí giữa chúng tăng.

Chẳng thấy như dây leo kia, nhờ dựa vào thân cây tùng mà lên được đến tầng cao chót vót. Hãy chọn nhân lành cao trời mà ký thác đời mình, mới có thể rộng làm lợi ích. Phải hết lòng tu tập, giữ gìn trai giới, đừng khinh thường mà giảm bớt hoặc bỏ qua. Đời đời kiếp kiếp về sau nhờ đó mà được hưởng quả phước rất nhiệm mầu.

Không nên nhàn nhã để phí ngày qua, biếng nhác bỏ đi thời khắc. Thời gian quý giá biết bao, sao chẳng cầu vươn tới? Uổng nhận của thập phương tín thí, lại phụ cả bốn ơn. Phiền lụy chất chứa càng nhiều, bụi trần khuất lấp tâm trí, đường tới thành ra ngăn lấp, người người đều khinh chê.

Người xưa nói: “Đã là trọng phụ, ai ai cũng có thể làm nên việc.” Không nên tự hạ thấp mình mà nhụt tâm, thối chí. Nếu không được như vậy, thật uổng công xuất gia, thoát chốc qua hết một đời không chút ích lợi.

Thành khẩn cầu mong các vị đều bưng cao chí khí quyết liệt, mở rộng hoài bão khác người. Mỗi mỗi việc làm đều noi gương những bậc cao thượng, chẳng buông thả theo kẻ thấp hèn.

Chỉ một đời này quyết tu hành chứng đạo, tự mình lo liệu chẳng dựa vào ai. Ngăn dứt vọng niệm, cắt đứt muôn duyên, không còn chạy theo trần cảnh. Tâm không cảnh lặng, sự ngăn ngại xưa nay chỉ do chẳng ngộ.

Hãy đọc cho thật kỹ văn này, luôn luôn tỉnh giác gắng tu. Mạnh mẽ tự chủ lấy mình, đừng buông thả theo thói thường. Nghiệp quả dẫn dắt người đi thật khó lòng trốn tránh, như âm thanh thế nào tiếng vọng thế ấy, hình thể có ngay thì bóng soi mới thẳng. Nhân quả rõ ràng như thế, lẽ nào không lo sợ?

Vì vậy trong kinh nói rằng: “Dù việc làm đã trải qua trăm ngàn kiếp, nghiệp quả không thể mất. Khi nhân duyên đã hội đủ rồi, quả báo phải tự nhận lấy.” Vậy nên biết rằng hình phạt trong ba cõi luôn bám theo mà giết hại người, phải nỗ lực chuyên cần tu tập, đừng bỏ phí ngày qua.

Bởi hiểu thấu được sự nguy hại của tội lỗi, nên mới khuyên nhau tu tập hành trì. Nguyên sao trong trăm ngàn kiếp, dù sinh ra ở đâu cũng được cùng nhau làm bạn đồng tu.

Có bài tụng đề khuyên răn rằng:

Thân hư huyễn trong mộng,

Hình sắc giữa chôn không.

Việc đã qua không cùng,

Việc về sau ai biết?

Sanh đây, thác về kia,

Chìm nổi, lăn lóc khổ.

Chưa thoát ngoài ba cõi,

Sao có thể nghỉ yên?

Tham luyến chôn thế gian,

Năm uẩn duyên hợp thành.

Sanh ra mãi đến già,

Rốt không được gì cả!

Gốc rễ tự vô minh,

Từ đó phải mê lầm.
Ngày tháng luống trôi qua,
Thời khắc không lường được.
Một đời này uổng phí,
Qua đời khác chẳng thông.
Tiếp nối mãi mê lầm,
Đều do sáu tên giặc.
Lăn lóc giữa sáu đường,
Loanh quanh trong ba cõi.
Sớm cầu bậc minh sư,
Gần gũi người đức hạnh.
Thân tâm khéo chọn lựa,
Quét hết bao gai góc.
Đời nổi trôi phù phiếm,
Sao để duyên thúc bức?
Phải xét cùng pháp lý,
Quyết chứng ngộ đạo màu.
Tâm cảnh đều mát sạch,
Không nhớ, không tưởng đến.
Sáu căn tùy tự nhiên,
Đi ở đều vắng lặng.
Tâm định không sanh khởi,
Muôn pháp tự dứt lìa.

Viết sau khi dịch

Bản dịch này tôi viết xong đã nhiều năm nay, từng đưa cho nhiều vị tôn túc xem qua, đều nói là rõ ràng, dễ hiểu. Tuy nhiên, bản thân tôi mỗi lần đọc lại vẫn thấy một khoảng cách nhất định giữa bản dịch và nguyên tác. Cho dù đã cố gắng hết sức mình, tôi vẫn không sao hài lòng được với việc đã làm.

Tuy nhiên, điều làm tôi cảm thấy phần nào được an ủi là, đây không phải trường hợp duy nhất đối với các bản văn hay bằng chữ Hán. Còn nhớ cách đây gần hai mươi năm, bài thơ Hoa cúc của thiền sư Huyền Quang cũng đã từng làm tôi suy nghĩ mãi, vì không sao dịch hết được ý thơ trong nguyên tác. Chỉ riêng một câu “Phân hương độc tọa tự vong ưu” đã là một thách thức gần như không thể vượt qua! Thế rồi, nhiều năm sau, được đọc các bản dịch của những bậc tiền bối lão thành, uyên bác ... tôi mới vỡ lẽ ra là, ngay cả các vị cũng không xóa bỏ được khoảng cách giữa bản dịch và nguyên tác. Và tôi còn nhận ra một điều: nguyên tác càng hay thì khoảng cách này dường như càng lớn!

Tính hàm súc của văn chương chữ Hán gần như không thể phủ nhận được, nhất là với những bản văn hay. Việc chuyển dịch rõ ràng là có những giới hạn nhất định rất khó lòng vượt qua. Vì thế, để thật sự có thể cảm nhận được cái hay của nguyên tác, quả thật không gì bằng đọc hiểu được trực tiếp từ chữ Hán. Theo lời cha tôi kể lại, những người xuất gia ngày trước buộc phải đọc hiểu được và học thuộc lòng bản văn này bằng chữ Hán. Đây cũng là một trong những lý do khiến cho ít người nghĩ đến việc dịch sang tiếng Việt.

Ngày nay có khác. Lớp trẻ bây giờ không mấy người đọc được chữ Hán. Vì thế, việc chuyển dịch sang tiếng Việt có lẽ là cách tốt nhất để giới thiệu bản văn hay này đến với nhiều người. Cho dù có những hạn chế nhất định như đã nói, nhưng tâm huyết của người xưa cũng có thể nhờ đó mà không đến nỗi phải mai một.

Tuy nhiên, để bù đắp phần nào cho những thiếu sót khi chuyển dịch, việc diễn giải thêm một vài ý chính có lẽ cũng là một việc nên làm.

Nhân quả và vô thường

Nhân quả là một trong những nguyên lý cơ bản quan trọng nhất trong Phật pháp. Khổ não đời này tất yếu là do nghiệp lực từ đời trước. Vì thế mà có thân là có khổ, bởi thân này vốn là do nghiệp lực mà sinh ra, chịu sự chi phối, dắt dẫn của nghiệp

lực. Nghiệp đã buộc nơi thân, vấn đề không phải là làm sao tránh né, mà là phải đối mặt và vượt qua như thế nào.

Soi rọi vào bản chất thật sự của thân này, mới hay rằng bốn đại vốn đều không thật. Có người cho rằng quan niệm về “bốn đại” của thời xa xưa nay không còn đúng nữa. Thật ra, về mặt nguyên lý thì vấn đề vẫn không có gì thay đổi cả. Tính giả hợp của bốn đại, hay tính giả hợp của các nguyên tử, phân tử, tế bào... vẫn là như nhau, có khác chăng chỉ là tên gọi cho phù hợp với sự hiểu biết về vật chất của mỗi giai đoạn. Còn tính triết lý hàm chứa trong quan niệm này quả thật không thay đổi, vẫn luôn đúng đắn. Nghĩ mà xem, rõ ràng là chúng ta không thể, và cũng sẽ không bao giờ có thể tìm được một “cái ta thật có” trong những yếu tố giả hợp đó, cho dù có gọi đó là “bốn đại”, hay “phân tử”, hay “tế bào”... gì gì đi nữa. Sự giả hợp của chúng để tạo thành xác thân vật chất này là một sự gá mượn hoàn toàn nơi các nhân duyên. Nhân duyên đầy đủ thì hội tụ, nhân duyên hết thì tan rã... dù muốn hay không ta cũng chẳng thể nào làm chủ được sự tồn vong của xác thân này.

Trong rất nhiều kinh Phật, tính không thật của “thân tứ đại” này luôn được nhắc đến như một thực tế cần ghi nhớ. Tuy nhiên, cái nguyên lý “tứ đại giai không” vốn dĩ rất ít người thật sự cảm nhận được, mà cái “có thật” của thân này thì không ai là không biết. Cái gọi là “có thật” đó, chính là những khổ lụy mà mỗi người chúng ta đều phải gánh chịu ngay từ thuở lọt lòng. Những khổ lụy ấy, nhìn xa là do nơi nghiệp lực, mà nhìn gần thì chính là do bởi sự “xung khắc” thường xuyên của các yếu tố cấu thành thân này. Bởi vậy, có thân là có khổ! Điều này thật sâu sắc biết bao! Ở đây lời văn chỉ gợi nhắc chỗ cốt tủy để mở đầu cho những ý hướng khác, nếu đi sâu vào phân tích lý nhân duyên, nghiệp quả thì còn biết bao nhiêu điều để nói!

Tuy là cội nguồn của khổ lụy, nhưng thân này lại chẳng lấy gì làm bền chắc. Dù muốn dù không, chúng ta hầu như cũng hoàn toàn không thể đảm bảo được sự tồn tại của nó, dù là chỉ trong thoáng chốc. Bởi vậy, kinh Tứ thập nhị chương dạy rằng, mạng người còn mất chỉ trong hơi thở. Sớm còn, tối mất, mỏng manh “như sương như móc”, “như cây ven bờ vực, như dây leo vách giếng”... Quả là những hình ảnh so sánh rất rõ ràng minh bạch. Mạng người đã thế, có chi là bền chắc?

Trong thực tế quanh ta, chuyện sống chết cũng không ít trường hợp diễn ra hoàn toàn không báo trước. Hôm nay gặp nhau, ngày mai không còn nữa. Vừa mới

chuyện trò vui vẻ cùng nhau, phút chốc đã nghe tin dữ... Những chuyện như thế, quả thật không lạ lùng gì đối với bất cứ ai. Tuy nhiên, điều lạ lùng nhất là rất ít người thường xuyên nghĩ đến, nhớ đến thực tế ấy! Nếu người ta luôn nhớ đến điều này, cuộc sống hẳn đã tốt đẹp hơn nhiều lắm, bởi chẳng mấy ai lại còn có hứng thú để lao vào những cuộc tranh chấp hơn thua, gây gổ cùng nhau khi biết rằng cuộc sống quý giá này vốn rất mong manh, ngắn ngủi. Tính chất vô thường hóa ra lại là một cái gì đó “rất thường” mà không mấy người chịu để tâm suy ngẫm.

Nêu lên lý nhân quả, sự giả hợp của các duyên và tính cách tạm bợ của đời sống, bài văn đã phác thảo được một tiền đề quan trọng cần thiết cho những ý tưởng sách tấn sẽ được trình bày nối tiếp theo sau.

Chí hướng xuất gia

Cuộc sống đã mong manh ngắn ngủi, sự nghiệp một đời biết dựa vào đâu để gọi là đại sự? Bởi vậy, người có đủ trí tuệ và ý chí không thể không chọn con đường xuất thế. Nếu không được vậy, thật là “bỏ phí cuộc đời trôi qua vô ích” vậy.

Nhưng đại nghiệp xuất thế không phải một sớm một chiều đã có thể làm nên. Huống chi có được xác thân này vốn là nhờ ơn sinh thành dưỡng dục của mẹ cha như trời biển, lại thêm sự dạy dỗ, nâng đỡ của thầy cô, bạn hữu... cho đến sự bảo bọc, cật nờ nơi xóm giềng, xã hội... Đã vậy, nếu không biết nghĩ đến phần trách nhiệm của mình đối với tất cả, thì dẫu chuyện nhỏ cũng chưa thể gọi là thành tựu, huống hồ là đại sự!

Nhưng đây vốn là tâm niệm rất dễ mắc phải của người xuất gia! Một khi lập chí xuất trần, thường xem nhẹ hết thảy những gì thuộc về thế tục. Vấn đề thật ra không đúng là như vậy. Dù quả thật đã không còn có thể “dâng cho cha mẹ miếng ăn ngon ngọt”, cũng “không lo việc nước”, “chẳng kể tục nghiệp nhà”... nhưng những điều đó hoàn toàn không có nghĩa rằng người xuất gia là rũ bỏ mọi bổn phận, trách nhiệm làm người. Sự khác biệt ở đây là cần phải dốc chí “làm nên đại sự” như một phương tiện để báo đáp công ơn của những ai đã từng thương yêu, bảo bọc cho mình. Bởi vậy, người xuất gia phải canh cánh bên lòng trách nhiệm nặng nề là phải vượt lên trên mọi chuyện tầm thường thế tục mà một lòng cầu đạo giải thoát.

Những điều nên tránh

Tuy rằng tâm nguyện, ý chí của người xuất gia là to lớn không cùng, nhưng nếu không khéo nghiêm trì giới luật, vâng theo lời giáo huấn của bốn sư thì thật rất dễ làm đường lạc lối. Trong văn này, Tổ sư nêu lên những ý chung, mà khi xét lỗi riêng đời nay không ít người mắc phải.

Lỗi đầu tiên dễ mắc phải nhất là sự tự mãn, kiêu căng. Người xuất gia vừa thọ đại giới xong, oai nghi hình tướng đầy đủ thì ai ai cũng đều cung kính, trân trọng, cho đến những bậc quyền thế của thế gian đôi khi cũng quỳ lạy lễ bái. Nhiều người không biết rằng sự cung kính đó bước đầu vốn dĩ có được chỉ là nhờ nơi hình tướng tăng sĩ, còn oai nghi đức hạnh thật sự của mỗi người là việc không phải tự nhiên có được. Vì không phân biệt được chỗ khác biệt này, nên thay vì chuyên cần tu tập, tinh chuyên giới luật để xứng đáng với cương vị bậc xuất gia, lại sanh tâm kiêu mạn tự cho rằng mình đã có được oai đức hơn người. Nghĩ như thế nên xem việc thập phương tín thí cúng dường chu cấp vật thực cho mình chỉ là chuyện đương nhiên phải vậy! Tâm đã kiêu mạn như thế nên không thể theo con đường khổ hạnh tinh chuyên, chỉ biết sống buông thả theo vật dục, theo những tình cảm thế tục thông thường không khác, quên mất rằng những điều ấy chẳng đều là những nguyên nhân chuốc lấy khổ não về sau!

Nếu biết nhớ lại chí hướng lúc xuất gia, nhớ lại những trách nhiệm nặng nề khi bước chân vào con đường xuất thế, thì chẳng thể nào lơ là buông thả được. Phật dạy rằng, người xuất gia lấy đạo nghiệp thay cho sự nghiệp của thế tục, phải biết tự thân tiến mãi không ngừng trên đường tu tập. Bởi vậy luôn phải ghi nhớ trong lòng câu “tam thường bất túc”, “chuyện ăn mặc, ngủ nghỉ đừng bao giờ hưởng thụ đầy đủ”. Nếu chỉ biết mong cầu “no cơm ấm áo” thì thật là uổng phí cả một đời, cho dù có sớm kinh tối kệ thì rốt cùng cũng chẳng có được chút ích lợi gì.

Chỗ nương dựa trước tiên của người xuất gia nhất thiết phải là giới luật. Trước khi Phật nhập Niết-bàn cũng đã ân cần dặn dò hàng đệ tử về sau phải lấy giới luật làm thầy, xem đó như Phật còn tại thế. Thật đáng tiếc có những người tự cho mình là lợi căn thượng trí, chỉ muốn nghiên tầm những nghĩa lý sâu xa mà không chú trọng đến việc tinh chuyên giới luật. Đây là một sai lầm rất lớn mà bất cứ ai khi đã mắc vào đều khó lòng tăng tiến trên đường tu tập. Bởi vì giới luật vốn dĩ là cái nền móng chắc chắn nhất định phải có để thực hành bất cứ pháp môn nào.

Chỉ riêng một việc không nghiêm trì giới luật là gốc của muôn ngàn lỗi lầm sai trái khác. Tự thân chẳng giữ được phép tắc oai nghi, trí huệ cũng không do đâu mà sinh khởi; chẳng những đã không có chút lợi lạc cho riêng mình, lại còn gây cản trở việc tu tập của mọi người chung quanh. Một mai tuổi cao tác lớn, thành bậc lão thành trong tăng chúng nhưng lại chẳng có gì để cho kẻ hậu học noi theo. Có ai đến hỏi nghĩa lý sâu mâu trong kinh điển cũng chẳng biết lấy gì mà giảng giải. Hơn thế nữa, vì tâm kiêu mạn chưa được dứt trừ, nên không thể tự thấy biết lỗi mình, thường đem tâm sân hận mà đáp lại với người muốn giúp mình sửa lỗi. Những sai lầm này, tuy là đối với mỗi người đều có chỗ khác biệt tinh tế, nhưng tựu trung cũng không ngoài những điều mà Tổ sư đã nêu ra trong văn này.

Điều quan trọng được nhấn mạnh ở đây không phải là sự so sánh hơn thua cùng người khác, mà là tính chất khẩn thiết, nhanh chóng của cuộc sống vô thường ngăn ngại này. Thoát chốc đời sống đã qua đi, thọ mạng không còn, cái khổ già nua, bệnh hoạn lại có thể ập đến tương như trong chớp mắt. Một khi lia bỏ kiếp này, vốn liếng một đời chẳng có gì để mang theo, liền chịu sự dắt dẫn của nghiệp lực mà trôi lăn vào ác đạo.

Những việc nên làm

Vì thế, một khi đã quyết chí xuất gia, không sợ thân mình nhiều lỗi, chỉ sợ nét cũ khó chữa. Dù có bao nhiêu thói hư tật xấu mà chịu một lòng nghiêm trì giới luật, học hỏi chuyên cần, thì chẳng lo gì ngày một tinh tấn hơn. Bởi Phật chế giới luật vốn dĩ là vì người có lỗi, không phải dành cho các bậc thánh tịnh hạnh. Chỉ cần một lòng tin tưởng giữ theo, cho dù người có nhiều tật xấu đến đâu rồi cũng dần dần sẽ được trở nên oai nghi thanh tịnh.

Người xuất gia phải xem việc cúng dường của thập phương tín thí như món nợ lớn. Một lòng cầu đạo giải thoát thì không lo gì nợ kia không trả hết; nhưng nếu lơ là giải đãi, quyết chẳng tránh đâu được có ngày phải trả lại đủ cho người từng hạt gạo, cọng rau đã từng thọ nhận.

Tự mình có đủ nhân duyên để đứng vào hàng tăng chúng vốn đã là một phước báu phải tích lũy từ nhiều đời nhiều kiếp, không phải ai cũng dễ dàng có được. Vì vậy mà người xuất gia phải ngày đêm ghi nhớ mục đích đã đề ra cho cả một đời mình, phải rèn luyện cho mình thành bậc pháp khí trụ cột trong đạo pháp. Có như vậy mới không uổng đi chí nguyện ban đầu.

Việc tu tập tuy là phải nương theo sự dẫn dắt của bản sư, nhưng được gần gũi với những người bạn tốt cũng là điều lợi lạc vô cùng to lớn. Bởi vậy mà so sánh như người “đi giữa đám hơi sương, tuy không ướt áo nhưng lúc nào cũng được ẩm mát”. Với sự dẫn dắt của bậc minh sư, nếu được thêm những bạn đồng tu khéo biết cùng nhau sách tấn thì việc tiến tới trên đường đạo có thể nói là không khó lắm. Lời tục nói: “Chọn bạn mà chơi”, cũng không ngoài ý này.

Người bạn hiền thường hay nói thẳng, vì là muốn giúp điều tốt cho mình. Vì thế, phải biết tự răn mình, biết nhận nghe những lời can gián, phê phán từ người khác. Nếu chỉ muốn được nghe toàn những lời ngon ngọt êm tai, thì việc sa đọa chắc chắn không bao lâu sẽ đến mà thôi.

Thiền học và giáo học

Người xuất gia nếu có đủ quyết tâm và trí tuệ, có thể chọn theo con đường thẳng tắt của Thiền môn. Đây là con đường cực kỳ khó khăn, nhưng cũng là con đường có thể giúp người tu nhanh chóng thẳng đến bờ giải thoát, vì thế mà nói là “vượt thẳng qua những pháp môn dùng làm phương tiện”.

Điều quan trọng cần nói ở đây là người tu nhất thiết phải hết sức tinh táo trong việc tự biết lấy mình. Phải có đủ năng lực, trí tuệ và ý chí quyết tâm trong việc cầu đạo. Chuyên cần nỗ lực trong công phu hành trì, hiểu sâu được tông chỉ, ý thú của Thiền đạo thì mới có thể đi đúng đường mà đạt đến chỗ giải thoát. Bằng như tự cho mình là bậc thượng căn thượng trí nhưng thật ra lại không đủ sức để vượt thẳng đến cội nguồn, thì việc lầm đường lạc lối rất dễ xảy ra.

Thử hình dung như một người quyết chí muốn qua sông, tự lượng biết sức mình rồi mới lao xuống dòng nước để bơi thẳng qua mà chẳng cần nhờ cậy đến thuyền bè. Nếu quả là người trí lực đầy đủ, tất nhiên sẽ rút ngắn được thời gian mà đi đến cũng không khác chi người đi thuyền. Tuy nhiên, nếu không lượng đúng sức mình thì rõ ràng là bờ kia chẳng bao giờ đến được.

Người tu thiền tự dựa vào sức mình, cầu đạo giải thoát cũng bằng phương tiện thẳng tắt cũng giống như người bơi qua sông kia vậy.

Bằng như tự biết sức mình không thể bơi thẳng qua sông, thì tốt hơn nên nhờ đến thuyền bè, đến người đưa đò... Bằng cách này dù có chậm chạp hơn, nhưng nếu đã quyết tâm thì chắc chắn cũng sẽ có ngày đến được bờ bên kia.

Vì thế, việc tu thiền xưa nay vẫn được thừa nhận là pháp môn tối thượng, huyền diệu hơn hết, nhưng không phải ai cũng có thể có đủ khả năng để nương theo.

Đối với những người không đủ trí lực để nương theo Thiền đạo, nên chọn lấy việc chuyên cần học hỏi, hành trì theo giáo pháp. Theo con đường này cần phải hiểu rõ tông chỉ, nắm vững nghĩa lý trong kinh giáo và theo đó mà rộng truyền giáo hóa cho người khác. Nhờ nương theo việc giáo hóa mà tự mình cũng được phần lợi ích tăng tiến. Như vậy gọi là “tự giác, giác tha”. Cũng lấy việc tự mình tu tập và giáo hóa người khác mà làm phương tiện báo đền ơn đức Phật.

Khuyến tu

Việc đại sự của người xuất gia, những gì nên làm, không nên làm đến đây đều đã nêu rõ. Nắm hiểu được như vậy rồi thì chỉ còn một việc là tự thân mỗi người phải cố gắng quyết chí tu tập hành trì. Ý chí đó phải được xác lập từ lúc xuất gia và không ngừng vun bồi, củng cố qua năm tháng. Có như thế mới mong thành tựu được ý nguyện ban đầu. Bằng không được vậy, thời gian nhanh chóng trôi qua thì hết một đời cũng không thể hé mở được cánh cửa giải thoát.

Như dây leo nương thân cây cao mà lên được tầng cao chót vót, người xuất gia phải biết vững niềm tin nơi Tam bảo, ký thác cả đời mình nương theo Chánh pháp, nhờ đó mới có thể được phần lợi ích cho mình cũng như rộng làm lợi ích cho bao nhiêu người khác. Nếu không gấp rút lo việc tu tập, chẳng những một đời này mất phần lợi lạc mà nhiều kiếp về sau cũng phải chìm đắm trôi lăn trong khổ não.

Được sinh làm người, chỉ cần có quyết tâm thì đạo giải thoát dù khó khăn cũng không phải là không thực hiện được. Nếu người khác đã có thể đạt đến, thì mình cũng nên lập chí làm nên. Không nên tự hạ thấp mình mà nhụt tâm, thối chí.

Kết ý

Tổ sư viết bài văn này, lời lẽ khẩn thiết, chân thành, nêu việc lỗi để răn dạy, nói điều hay để khuyến khích. Bởi vậy đọc qua có thể cảm nhận được ngay tấm lòng từ

bi vô lượng của người, rộng vì tất cả đồ chúng và hàng hậu học chúng ta mà khuyên dạy. Dù thời gian năm tháng nối tiếp trôi qua, mà giờ đây đọc lại văn này vẫn thấy trong lòng đầy cảm xúc. Nếu không phải nguyện lực của bậc Bồ Tát độ sinh, hẳn không thể viết ra bài văn kiệt xuất này được.

Tiếc rằng những kẻ hậu học đời nay, nhiều người quên mất chí hướng xuất trần. Lắm khi mang hình tướng của một vị tăng mà chỗ học, chỗ hành không khác chi người thế tục. Một khi đọc đến văn này, chẳng lấy làm xấu hổ lắm sao? Mong rằng nhờ sức từ bi nhiếp độ của Tổ sư, hết thảy những ai đã lầm đường lạc lối khi xem đến bản văn này đều sẽ tự mình thức tỉnh mà phấn chấn sửa mình, chuyên cần tu tập, nhanh chóng vượt lên bên bờ giải thoát, chỗ lợi ích cho mình cho người đều nhờ đó mà được thành tựu viên mãn.

Hành trạng Tổ Quy Sơn Linh Hựu

Tổ sư vốn người họ Triệu, quê ở Trường Khê, Phúc Châu. Ngài xuất gia năm 15 tuổi, theo thầy là Pháp Thường ở chùa Kiến Thiện. Năm 20 tuổi thọ giới Cụ túc tại chùa Long Hưng thuộc Hàng Châu, pháp hiệu là Linh Hựu.

Từ khi xuất gia, ngài chuyên cần học tập kinh điển của cả Đại thừa và Tiểu thừa. Năm 23 tuổi đến Giang Tây tham bái tổ Bách Trượng. Tổ Bách Trượng vừa gặp ngài đã biết ngay là bậc pháp khí, liền thu nhận làm đệ tử, cho được sớm tối kề cận để tham học.

Một hôm, ngài đang đứng hầu tổ Bách Trượng. Tổ hỏi: “Ai đó?” Ngài đáp: “Con là Linh Hựu.” Tổ nói: “Ông khơi trong bếp xem có lửa hay không?” Ngài đến khơi trong bếp thấy đã tắt hết, bèn nói là không có lửa. Tổ sư thân tới bên bếp lửa, bới sâu trong tro lấy ra được chút than còn đỏ, đưa lên mà hỏi rằng: “Ông nói không có lửa, vậy đây là cái gì?” Ngài nhân lúc đó bừng tỉnh ngộ, lễ tạ thầy trình chỗ sở kiến.

Tổ Bách Trượng nói: “Đây chỉ là chỗ rẽ tạm thời trên đường đi. Trong kinh nói: Muốn hiểu nghĩa Phật tánh phải xem nơi thời tiết nhân duyên. Một khi thời tiết đến, như mê chợt ngộ, như quên chợt nhớ, mới biết ra đó là vật của mình, không phải do bên ngoài mà có được. Vì thế, Tổ sư nói rằng: Ngộ rồi cũng như chưa ngộ, không có tâm cũng không có pháp, chính là không các tâm hư vọng, tâm phàm,

tâm thánh... Từ xưa nay tâm pháp vốn tự đầy đủ, nay ông đã được rồi, phải khéo tự giữ gìn.”

Sau, ngài được tổ Bách Trượng cho giữ chức Điền tòa.

---o0o---

Bấy giờ có Tư Mã Đầu Đà là một vị thiền sư du phương. Một hôm từ Hồ Nam đến chỗ tổ Bách Trượng, nói rằng: “Tôi đến xứ Hồ Nam tìm được một ngọn núi tên là Đại Quy, là nơi có thể dung chứa đến 1.500 người, chính là chỗ dành cho bậc thiện tri thức cư ngụ.”

Tổ Bách Trượng hỏi: “Lão tăng này đến đó ở được chăng?”

Tư Mã Đầu Đà đáp: “Không phải chỗ Hòa thượng ở được.”

Lại hỏi: “Vì sao vậy?”

Tư Mã Đầu Đà nói: “Hòa thượng như xương, núi kia như thịt, nếu có đến ở thì đồ chúng không tới số ngàn.”

Tổ Bách Trượng lại hỏi: “Nhu trong đồ chúng của ta, có ai được chăng?”

Tư Mã Đầu Đà đáp: “Phải đợi xem qua mới biết.”

Tổ Bách Trượng liền bảo thị giả gọi vị Thủ tòa là thiền sư Hoa Lâm đến, hỏi Tư Mã Đầu Đà rằng: “Người này được chăng?”

Tư Mã Đầu Đà quan sát, bảo Hoa Lâm đằng hắng một tiếng và bước đi mấy bước, rồi nói: “Không thể được.”

Tổ Bách Trượng lại cho gọi ngài – tổ Quy Sơn – đến. Tư Mã Đầu Đà vừa nhìn thấy liền nói: “Vị này chính là chủ nhân của Quy Sơn rồi.”

Đêm ấy, tổ Bách Trượng gọi ngài vào trong phòng, dặn dò rằng: “Ta tùy duyên giảng pháp nơi đây, còn chỗ thắng cảnh Quy Sơn là nơi ông nên đến ở để tiếp nối tông môn của ta mà rộng độ cho những người hậu học.”

Thiền sư Hoa Lâm nghe biết chuyện, thưa hỏi: “Con nay là người đứng đầu trong chúng, sao vị Điền tòa lại được làm trụ trì?”

Tổ Bách Trọng nói: “Nếu ai có thể đối trước chúng nói ra một câu xuất cách sẽ cho làm trụ trì.”

Rồi chỉ cái tịnh bình mà hỏi: “Không được gọi là tịnh bình, ông gọi là gì?”

Hoa Lâm nói: “Không thể gọi là cây lũng.”

Tổ Bách Trọng lại hỏi ngài. Ngài đá cái tịnh bình ngã nhào rồi đi ra. Tổ Bách Trọng cười nói: “Ông đệ nhất tòa thua mất hòn núi này rồi.” Liền sai ngài đến Quy Sơn.

---o0o---

Quy Sơn là ngọn núi cao chót vót, không có bóng người, vượn khỉ tụ tập thành bầy. Ngài nhặt những trái sung, trái dẻ mà làm thức ăn. Được chừng năm bảy năm qua, chẳng có ai lui tới. Ngài tự nghĩ: “Ta đến đây làm trụ trì là muốn làm lợi ích cho người. Nay đường xá đến đây chẳng được, làm sao có người tụ họp?” Liền rời khỏi am thất mà tìm xuống núi. Ra đến cửa núi, thấy những rắn độc, hổ báo, lang sói chặn đầy ngang đường. Ngài nói: “Này các giống thú, đừng chặn đường đi của ta. Như ta có duyên với núi này, các ngươi hãy nên đi nơi khác. Như ta không có duyên với núi này, các ngươi không cần đi, ta theo đường mà đến cho các ngươi ăn thịt vậy.”

Nói xong, tất cả các giống thú dữ ấy liền tứ tán đi mất hết. Ngài lại quay về am thất. Chưa được một năm sau, thượng tọa Lại An cùng với một số tăng chúng từ chỗ ngài Bách Trọng tìm đến mà trợ giúp với ngài. Lại An nói: “Tôi xin vì Hòa thượng mà làm chức Điển tòa, đợi tăng chúng được 500 vị mới thôi.”

Từ đó về sau dân cư dưới núi mới dần dần biết đến, lập nên cảnh chùa. Liên soái Lý Cảnh Nhượng có tâu lên vua xin ban hiệu chùa là Đồng Khánh. Tướng quốc Bùi Hưu cũng thường đến thưa hỏi những chỗ sâu xa huyền diệu. Người trong thiên hạ đến học thiền ngày càng đông đúc. Trong những vị đặc pháp có thiền sư Ngưỡng Sơn Huệ Tịch là bậc cao trỗi, nên người đời tôn xưng tông này là tông Quy Ngưỡng.

Ngài rộng truyền giáo pháp được hơn 40 năm. Vào niên hiệu Đại Trung thứ 7 đời nhà Đường, tức là năm 853 theo Tây lịch, ngày mùng 9 tháng Giêng, ngài tắm gội sạch sẽ rồi ngồi an nhiên vui vẻ mà thị tịch, thọ 83 tuổi, trải 64 tuổi Hạ. Vua ban

thụy hiệu là Đại Viên Thiên sư, dựng tháp thờ tại Quy Sơn, đặt tên tháp là Thanh Tịnh. Vì thế, pháp hiệu của ngài là Linh Hựu nhưng người đời thường tôn kính gọi là Quy Sơn Đại Viên Thiên sư.

Bài văn cảnh sách do ngài làm ra được truyền tụng khắp chốn thiền môn, trải qua nhiều đời sau vẫn còn được trân trọng.

---o0o---

Hết